

**ĐẠI HỌC HUẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



**NGUYỄN PHƯƠNG TIẾN**

**PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ HẬU QUẢ CỦA  
HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU TRONG LĨNH VỰC  
KINH DOANH THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế**

**Mã số: 8 38 01 07**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**QUẢNG TRỊ, NĂM 2020**

Công trình được hoàn thành tại Trường Đại học Luật – Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. TRẦN VĂN DUY**

Người hướng dẫn khoa học:

Phản biện 1: .....

.....

Phản biện 2: .....

.....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại:

Trường Đại học Luật.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài .....	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu .....	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài .....	3
7. Cơ cấu của luận văn .....	3
<b>Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT XỬ LÝ HẬU QUẢ CỦA HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH THƯƠNG MẠI</b> .....	<b>3</b>
1.1. Khái quát về hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại .....	3
1.1.1. Khái niệm hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại.....	3
1.1.2. Điều kiện có hiệu lực pháp lý của hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại.....	4
1.2. Khái niệm và đặc điểm về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.....	4
1.2.1. Khái niệm xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.....	4
1.2.2. Đặc điểm xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.....	5
1.3. Nội dung pháp luật điều chỉnh xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.....	5
1.3.1. Chủ thể yêu cầu xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại .....	5
1.3.2. Nội dung xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.....	6
1.3.3. Hậu quả xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại đối với người thứ ba ngay tình.....	6
1.4. Những yếu tố tác động đến xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.....	7
1.4.1. Yếu tố pháp luật, chính trị.....	7
1.4.2. Yếu tố nhận thức, tuyên truyền .....	7
1.4.3. Yếu tố có quan quản lý nhà nước tham gia giải quyết xử lý hậu quả.....	8
Kết luận Chương 1 .....	8
<b>Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN XỬ LÝ HẬU QUẢ CỦA HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH THƯƠNG MẠI</b> .....	<b>9</b>
2.1. Thực trạng pháp luật về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.....	9
2.1.1. Quy định của pháp luật xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.....	9

2.1.2. Những hạn chế về pháp luật xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.....	11
2.2. Thực tiễn thi hành pháp luật về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.....	13
2.2.1. Những kết quả đạt được trong việc giải quyết xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.....	13
2.2.2. Các trường hợp cụ thể được xét xử tại Tòa án các cấp giải quyết xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.....	14
2.2.3. Những hạn chế về pháp luật xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.....	16
Kết luận Chương 2.....	18
<b>Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG VỀ XỬ LÝ HẬU QUẢ CỦA HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH THƯƠNG MẠI.....</b>	<b>19</b>
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.....	19
3.1.1. Định hướng chung.....	19
3.1.2. Kiến nghị cụ thể.....	20
3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.....	20
Kết luận Chương 3.....	22
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>23</b>

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Giao dịch kinh doanh thương mại là một trong những phương thức hữu hiệu cho cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác xác lập và thực hiện các quyền, nghĩa vụ dân sự nhằm thỏa mãn nhu cầu sản xuất, kinh doanh. Giao dịch kinh doanh thương mại càng có ý nghĩa quan trọng trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHHCN) ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Xuất phát từ tầm quan trọng và ý nghĩa thiết thực của giao dịch kinh doanh thương mại, Bộ luật dân sự (BLDS) nước ta đã quy định cụ thể, chi tiết, chặt chẽ và tương đối hoàn thiện về việc xác lập, thực hiện giao dịch kinh doanh thương mại. Các quy định đó của BLDS, LTM đã tạo ra hành lang pháp lý thông thoáng và an toàn cho các chủ thể tham gia giao dịch kinh doanh thương mại, tạo nên sự ổn định của các quan hệ tài sản trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, góp phần vào quá trình hội nhập khu vực và thế giới. Thực tiễn giải quyết cho thấy vấn đề giải quyết xử lý hậu quả khi giao dịch hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu không thuần túy chỉ căn cứ vào quy định của BLDS, LTM mà còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có sự thỏa thuận của các bên khi tham gia giao dịch hoặc phụ thuộc vào thời điểm phát sinh, bên cạnh những mặt tích cực, còn có thực trạng là các tranh chấp về kinh doanh thương mại, nhất là tranh chấp về giao dịch kinh doanh thương mại vẫn có xu hướng gia tăng, trong đó các giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu do vi phạm về điều kiện có hiệu lực của giao dịch chiếm tỷ lệ không nhỏ. Việc tuyên bố giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý khi giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu vẫn là vấn đề phức tạp đang gặp phải. Có không ít vụ án đã được xét xử nhiều lần, với nhiều cấp xét xử khác nhau (kể cả cấp xét xử cao nhất là Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) nhưng cũng vẫn còn những thắc mắc, vẫn có những quan điểm khác nhau, gây ra nhiều tranh luận phức tạp. Tuy nhiên, vì nhiều lí do khách quan cũng như chủ quan mà hợp đồng giao kết có thể bị tuyên là vô hiệu. Để giải quyết vấn đề này cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên pháp luật đã quy định về xử lý hợp đồng vô hiệu. Thế nhưng hoạt động hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại là hoạt động cốt lõi của hoạt động thương mại mà Luật Thương mại hiện hành lại không quy định về vấn đề này, tuy nhiên lại được cụ thể trong BLDS hiện hành cũng như BLDS 2015. Trong bối cảnh như vậy, việc nghiên cứu đề tài: “*Pháp luật về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại ở Việt Nam*” có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn.

### 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Việc nghiên cứu xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại đã được nhiều nhà khoa học pháp lý quan tâm trong các thời kỳ, dưới những góc độ khác nhau.

*Luận văn đã kế thừa những công trình trên, một cách tổng thể các vấn đề về lý luận và thực tiễn về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại. Kết quả của các đề tài đó được dùng làm phương tiện tham khảo nhằm làm rõ nguyên nhân phát sinh hợp đồng vô hiệu, cũng như tham khảo cho việc giải quyết xử lý hậu quả phát sinh từ hợp đồng vô hiệu.*

Tuy nhiên, sau khi tìm hiểu và nghiên cứu các công trình có liên quan thì chưa có luận văn thạc sỹ luật học nào (nhất là trong vài năm trở lại đây) giải quyết vấn đề này một cách toàn diện và thấu đáo. Do vậy, việc nghiên cứu đề tài “*Pháp luật về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại ở Việt Nam*” không bị trùng lặp với các công trình đã công bố.

Vì vậy, đề tài Luận văn về cơ bản là mới, chưa được nghiên cứu tổng thể, toàn diện. Đề tài được thực hiện trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc và kế thừa các kết quả nghiên cứu của các công trình đã được nghiên cứu một cách tổng thể, toàn diện vấn đề này trong lý luận và thực tiễn.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Việc nghiên cứu đề tài nhằm đạt được mục tiêu tổng quát là tìm ra được các luận cứ khoa học và thực tiễn cho việc hoàn thiện pháp luật xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

*Thứ nhất*, nghiên cứu khái quát vấn đề lý luận về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, trên cơ sở đó làm rõ các vấn đề lý luận mới, các yêu cầu mới liên quan đến xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

*Thứ hai*, nghiên cứu, phân tích đánh giá thực trạng hệ thống pháp luật hiện hành xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, từ đó làm rõ những mặt được, mặt còn hạn chế, bất hợp lý, bất cập trong pháp luật cũng như thực tiễn hoạt động xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

*Thứ ba*, đưa ra một số kiến nghị và đề xuất hoàn thiện pháp luật về giải quyết xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại phù hợp với tình hình mới, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả đáp ứng được các yêu cầu mới trong nền kinh tế.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Luận văn nghiên cứu các học thuyết, các quan điểm về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại; các quy định của pháp luật một số nước có tính chất so sánh; nghiên cứu pháp luật Việt nam hiện hành về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại; nghiên cứu các trường hợp tranh chấp kinh doanh, thương mại điển hình được xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại tại Việt Nam hiện nay.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Phạm vi không gian: Xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại là một vấn đề khá rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, trong khuôn khổ đề tài luận văn và điều kiện có hạn nên đề tài chỉ giới hạn vấn đề nghiên cứu trong phạm vi xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại trên cơ sở lý luận và thực tiễn theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

- Phạm vi thời gian: Từ năm 2014 đến hết tháng 4 năm 2020
- Địa bàn nghiên cứu: Việt Nam.

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### **5.1. Phương pháp luận**

Để hoàn thành các mục tiêu của đề tài, trong quá trình nghiên cứu, tìm hiểu, vận dụng đã được thực hiện trên cơ sở của phương pháp duy vật biện chứng; các quan điểm của Đảng, Nhà nước về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như:

- Phương pháp kết hợp lý luận với thực tiễn:
- Phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh:
- Phương pháp hệ thống hoá:

## **6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

- Luận văn góp phần vào việc xây dựng luận cứ khoa học trong quá trình hoàn thiện pháp luật và đảm bảo hiệu quả thực thi pháp luật xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

- Góp phần giúp chính quyền và các cơ quan ban ngành nghiên cứu hoàn thiện chính sách và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại trong gian đoạn tới;

## **7. Cơ cấu của luận văn**

*Cơ cấu của luận văn bao gồm: Phần mở đầu; Phần nội dung gồm 03 chương:*

*Chương 1: Những vấn đề lý luận về pháp luật xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.*

*Chương 2. Thực trạng pháp luật và thực tiễn xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.*

*Chương 3: Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại*

### **Chương 1**

## **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT XỬ LÝ HẬU QUẢ CỦA HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH THƯƠNG MẠI**

### **1.1. Khái quát về hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại**

#### **1.1.1. Khái niệm hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại**

*Hợp đồng thương mại là hợp đồng trong hoạt động thương mại hay hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại. Hợp đồng thương mại được hiểu là thoả thuận giữa các thương nhân (hoặc một bên là thương nhân) về việc thực hiện một hay nhiều hành vi thương mại nhằm mục đích lợi nhuận.*

*Như vậy, hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại có bản chất chung của hợp đồng là sự thoả thuận để xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt các quyền nghĩa vụ trong hoạt động thương mại. Tuy nhiên, hợp đồng trong lĩnh vực*

*kinh doanh, thương mại có những đặc điểm đặc thù xuất phát từ yêu cầu của hoạt động thương mại.*

### **1.1.2. Điều kiện có hiệu lực pháp lý của hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại**

Hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại thông thường chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự 2015, Luật thương mại và các bộ luật, luật chuyên ngành như hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại hợp tác đầu tư chịu sự điều chỉnh của luật đầu tư 2014, hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại mua bán nhà chịu sự điều chỉnh của Luật kinh doanh bất động sản 2014 và Luật đất đai 2014,...

*Do đó khi xem xét điều kiện có hiệu lực của hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại thường đánh giá hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại theo hai loại điều kiện: Điều kiện về mặt pháp luật tổng quan của giao dịch kinh doanh thương mại đó và điều kiện về mặt chuyên ngành áp dụng cho hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại dự kiến ký kết.*

*Điều kiện phát sinh hiệu lực của hợp đồng:* Về mặt tổng quan của giao dịch hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại có hiệu lực khi đảm bảo:

+ Thứ nhất, các chủ thể ký kết hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại phải hợp pháp. Hợp pháp ở đây chính là việc các bên giao kết phải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

+ Thứ hai, các chủ thể ký kết hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại phải hoàn toàn tự nguyện tức là xuất phát từ ý chí thực, từ sự tự do ý chí của các bên trong các thỏa thuận hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại đó.

+ Thứ ba, nội dung của hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Đối tượng của hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại không thuộc hàng hóa cấm giao dịch, công việc cấm thực hiện.

*Về mặt chuyên ngành thì hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại có hiệu lực khi đảm bảo*

+ Thứ nhất, thủ tục và hình thức của hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại phải tuân theo những thể thức nhất định phù hợp với những quy định của pháp luật đối với từng loại hợp đồng.

+ Thứ hai, hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại phải có đủ nội dung theo hướng dẫn của luật chuyên ngành.

## **1.2. Khái niệm và đặc điểm về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.**

### **1.2.1. Khái niệm xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại**

*Xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại là quá trình mang tính pháp lý chặt chẽ của các bên tham gia quan hệ hợp đồng đó và những chủ thể có liên quan nhằm khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận, tiến hành bồi thường thiệt hại trong hợp đồng không bao gồm việc bồi thường các thiệt hại về tinh thần và bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình khi hợp đồng bị vô hiệu theo quy định của pháp luật có liên quan.*



### **1.2.2. Đặc điểm xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại**

*Thứ nhất, xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại là xử lý để đưa quan hệ giữa các bên và thực tế giao dịch trở về hay khôi phục lại tình trạng ban đầu như không có giao dịch bị xác lập, việc xử lý không đem lại bất kỳ lợi ích gia tăng nào cho các bên mà chỉ có hoàn trả ngang bằng, bồi hoàn chi phí, bồi thường thiệt hại để có tình trạng như tại thời điểm xác lập giao dịch.*

*Thứ hai, do không tuân thủ điều kiện có hiệu lực nên việc xử lý có thể mang cả tính chất luật công hoặc luật tư. Nếu vô hiệu tuyệt đối rất có thể việc xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu bên cạnh giải quyết hậu quả dân sự còn có thể xử lý để truy cứu trách nhiệm hành chính, hình sự. Vô hiệu tương đối về cơ bản theo tính chất luật tư.*

*Thứ ba, xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu phải gắn trong mối quan hệ hợp đồng đó với quan hệ khác trong giao lưu dân sự. Trường hợp tuyên bố một giao dịch vô hiệu mà xuất hiện người thứ 3 ngay tình thì quyền lợi của người này phải được bảo vệ như Đ.133 điều đó có nghĩa đặc điểm thứ nhất không thể trọn vẹn vì lúc này rất có thể chủ sở hữu không thể kiện đòi tài sản mà chỉ có thể yêu cầu bên kia trong hợp đồng vô hiệu bồi thường thiệt hại.*

*Thứ tư, một bên trong hợp đồng vô hiệu mà ngay tình, không lỗi thì có thể được thụ hưởng lợi ích hình thành từ sự ngay tình đó. Ngoài ra, việc hợp đồng vô hiệu có thể gây tổn thất tinh thần cho bên không có lỗi thì việc bồi thường tổn thất tinh thần có thể đặt ra xử lý theo tính chất luật tư...*

### **1.3. Nội dung pháp luật điều chỉnh xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại**

#### **1.3.1. Chủ thể yêu cầu xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại**

Xuất phát từ nguyên tắc của quan hệ kinh doanh, thương mại, tại Điều 10 và Điều 11 Luật Thương mại năm 2005 thì thương nhân thuộc mọi thành phần kinh tế bình đẳng trước pháp luật trong hoạt động thương mại, các bên có quyền tự do thỏa thuận không trái với các quy định của pháp luật, thuần phong mỹ tục và đạo đức xã hội để xác lập các quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoạt động thương mại. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ các quyền đó. Trong hoạt động thương mại, các bên hoàn toàn tự nguyện, không bên nào được thực hiện hành vi áp đặt, cưỡng ép, đe dọa, ngăn cản bên nào. Do đó, các bên cần thực hiện nghiêm túc quy định liên quan đến HĐ. Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ pháp lý. Như vậy, hợp đồng là một loại giao dịch dân sự. Vì vậy, khi có những quy định riêng về hợp đồng thì áp dụng những quy định riêng, khi không có những quy định riêng thì phải áp dụng những quy định chung về giao dịch dân sự. Do đó, chủ thể yêu cầu xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại là các bên tham gia giao dịch, cơ quan tài phán (Trọng tài, Tòa án) và cơ quan quản lý nhà nước (đối với các giao dịch đã phát sinh, đăng ký mà cần cơ quan nhà nước thay đổi việc đăng ký đó, ví dụ hợp đồng chuyển nhượng cổ phần sau đó đã thông báo thay đổi thành viên công ty, đã

cập nhật ở phòng ĐKKD). Theo quy định của pháp luật hiện hành, hậu quả pháp lý của giao dịch kinh doanh, thương mại vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch dân sự được xác lập. Như vậy, khi hợp đồng kinh doanh, thương mại vô hiệu là mọi thỏa thuận coi như không có, khác với trường hợp “chấm dứt hợp đồng” là trường hợp trước thời điểm chấm dứt hợp đồng thì hợp đồng có hiệu lực, các thỏa thuận của các bên vẫn có giá trị bắt buộc với các bên đến khi chấm dứt hợp đồng, việc thi hành đúng hợp đồng trước thời điểm chấm dứt hợp đồng phải được tôn trọng

### ***1.3.2. Nội dung xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại***

- *Khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận.* Các bên trong hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại vô hiệu phải khôi phục lại tình trạng ban đầu khi tài sản được hoàn trả không đúng với hiện trạng tại thời điểm xác lập hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại và hoàn trả lại cho bên kia những gì đã nhận.

- *Bên có lỗi phải bồi thường thiệt hại.* Trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại không bao gồm việc bồi thường các thiệt hại về tinh thần. Việc bồi thường thiệt hại do hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại vô hiệu không phải là một loại trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hợp đồng. về bồi thường thiệt hại khi hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại bị tuyên bố vô hiệu thì bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường. Đây không phải là nguyên tắc trong giao dịch dân sự và kinh doanh thương mại. Như vậy, để buộc một bên bồi thường thì chúng ta phải xác định hai yếu tố, cụ thể: một là, yếu tố có lỗi; và hai là, thực tế phải tồn tại thiệt hại.

*Bên cạnh những hậu quả pháp lý trên, trong trường hợp hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại vô hiệu là hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại chính thì sẽ làm chấm dứt hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại phụ, bởi lẽ, hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại phụ phát sinh từ hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại chính, hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại chính là cơ sở để hình thành nên hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại phụ, vì vậy, khi hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại chính vô hiệu thì căn cứ phát sinh hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại phụ không còn nữa. Do đó, hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại phụ không thể đương nhiên có hiệu lực khi hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại chính vô hiệu trừ trường hợp các bên ký kết hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại phụ có thỏa thuận rằng hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại phụ được thay thế hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại chính.*

### ***1.3.3. Hậu quả xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại đối với người thứ ba ngay tình***

Hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại vô hiệu ngoài lên quan tới các bên tham gia trong hợp đồng, trong một số trường hợp, hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại còn liên quan tới người thứ ba ngay tình, giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của

các bên kể từ thời điểm xác lập. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền, trừ trường hợp tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu theo quy định của pháp luật. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường. Trường hợp hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại vô hiệu nhưng tài sản giao dịch đã được chuyển giao cho người thứ ba ngay tình.

Tính đặc biệt của hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại vô hiệu trong trường hợp này thể hiện ở chỗ tài sản giao dịch đã không còn chiếm giữ bởi một trong các bên tham gia giao kết hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại mà là một bên thứ ba ngay tình, do đó việc xử lý tài sản khi hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại bị tuyên bố vô hiệu gặp phải một số khó khăn nhất định.

#### **1.4. Những yếu tố tác động đến xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại**

##### **1.4.1. Yếu tố pháp luật, chính trị**

Các yếu tố thuộc môi trường chính trị và luật pháp tác động mạnh đến việc hình thành và khai thác cơ hội kinh doanh và thực hiện mục tiêu của doanh nghiệp, ổn định chính trị là tiền đề quan trọng cho hoạt động kinh doanh, thay đổi về chính trị có thể gây ảnh hưởng có lợi cho nhóm doanh nghiệp này hoặc kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp khác. Hệ thống pháp luật hoàn thiện và sự nghiêm minh trong thực thi pháp luật sẽ tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh cho các doanh nghiệp. Nếu hệ thống văn bản luật chưa hoàn chỉnh và chưa có sự thống nhất, nhiều quy định chưa khoa học và chưa hợp lý, chưa tương thích với pháp luật quốc tế. Một số giao dịch trước kia chỉ do pháp luật dân sự điều chỉnh, nay được điều chỉnh bởi nhiều ngành luật khác hoặc được tách ra khỏi ngành luật dân sự như pháp luật về hợp đồng thương mại.... Khi xây dựng pháp luật về giao dịch, nhà làm luật quan tâm đến vấn đề các điều kiện để xác định giao dịch có hiệu lực cũng như các tiêu chí để xác định giao dịch vô hiệu nhằm bảo đảm lợi ích của các chủ thể tham gia giao dịch, ổn định trật tự trong giao lưu dân sự, ổn định các quan hệ xã hội được pháp luật bảo hộ.

##### **1.4.2. Yếu tố nhận thức, tuyên truyền**

Do sự không hiểu biết pháp luật của các chủ thể tham gia xác lập HĐ, cụ thể như là: chủ thể trực tiếp giao kết hợp đồng; hình thức và nội dung của hợp đồng và căn cứ giao kết hợp đồng. Nhận thức về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại và kiến thức về giao dịch dân sự vô hiệu (nhất là về hợp đồng vô hiệu) và hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu. Hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại ngày càng chiếm vai trò quan trọng trong đời sống hàng ngày của người dân. Nó càng có vai trò đặc biệt hơn khi nền kinh tế nước ta phát triển theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nếu người dân được nâng cao hiểu biết và kiến thức pháp luật về hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại nói chung, hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại vô hiệu và hậu quả pháp lý của nó nói riêng sẽ giúp các giao dịch hợp đồng

ngày càng phát triển, các bên hiểu biết rõ hơn để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình, xác định rõ nghĩa vụ đối với xã hội, cộng đồng và với các bên có liên quan.

#### **1.4.3. Yếu tố có quan quản lý nhà nước tham gia giải quyết xử lý hậu quả**

Chất lượng giải quyết tranh chấp giao dịch, hợp đồng vô hiệu và hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu. Thực tế cho thấy, giải quyết tranh chấp hợp đồng vô hiệu những điểm bất cập. Một mặt, vấn đề trên có nguyên nhân nội tại từ các quy định của pháp luật, nhưng mặt khác, nó còn xuất phát từ năng lực của đội ngũ những người làm công tác xét xử. Sự nhận thức chưa thực sự đầy đủ, sâu sắc về hợp đồng nói chung, hợp đồng vô hiệu và hậu quả pháp lý của nó nói riêng dẫn đến việc áp dụng nó trong công tác xét xử còn có những lúng túng, giải quyết chưa thỏa đáng đặc biệt là đối với vấn đề giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Thực tế đó làm ảnh hưởng tới việc bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của các bên. Chính vì vậy, để đảm bảo việc xử lý hợp đồng vô hiệu và hậu quả pháp lý của nó đúng pháp luật, công bằng và hợp lý, cần thiết phải nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ Tòa án thông qua việc tăng cường nghiên cứu khoa học, tổ chức hội thảo chuyên đề, chương trình tập huấn... đảm bảo sự thống nhất trong nhận thức của thẩm phán trong việc giải quyết không chỉ là hợp lý, hợp tình mà còn phải nhanh chóng để bảo vệ kịp thời quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

### **Kết luận Chương 1**

Chương 1 luận văn nghiên cứu khái quát vấn đề lý luận về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, trên cơ sở đó làm rõ các vấn đề lý luận mới, các yêu cầu mới liên quan đến xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại. Cùng với sự phát triển của xã hội, giao dịch dân sự ngày một đa dạng và phức tạp. Vì vậy, phạm vi của pháp luật về giao dịch sẽ ngày càng mở rộng.

Một số giao dịch trước kia chỉ do pháp luật dân sự điều chỉnh, nay được điều chỉnh bởi nhiều ngành luật khác hoặc được tách ra khỏi ngành luật dân sự như pháp luật về hợp đồng thương mại.... Khi xây dựng pháp luật về giao dịch, nhà làm luật quan tâm đến vấn đề các điều kiện để xác định giao dịch có hiệu lực cũng như các tiêu chí để xác định giao dịch vô hiệu nhằm bảo đảm lợi ích của các chủ thể tham gia giao dịch, ổn định trật tự trong giao lưu KDTM, ổn định các quan hệ xã hội được pháp luật bảo

## Chương 2

# THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN XỬ LÝ HẬU QUẢ CỦA HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH THƯƠNG MẠI

### 2.1. Thực trạng pháp luật về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại

#### 2.1.1. Quy định của pháp luật xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại

- Quy định rõ ràng về cơ chế xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, theo Điều 131 BLDS năm 2015 quy định: "Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên từ thời điểm giao dịch được xác lập. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Trường hợp không thể hoàn trả được bằng hiện vật, thì trị giá thành tiền để hoàn trả. Bên ngay tình trong việc thu hoa lợi, lợi tức không phải hoàn trả lại hoa lợi, lợi tức đó. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường. Việc giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu liên quan đến quyền nhân thân do Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định". Quy định vừa nêu của BLDS năm 2015 là sự kế thừa cơ bản nội dung quy định tại Điều 137 BLDS năm 2005 nhưng có sự bổ sung, sửa đổi đôi chút về nội dung và kỹ thuật lập pháp. Cụ thể, Điều 137 BLDS năm 2005 quy định như sau: "Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền, trừ trường hợp tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu theo quy định của pháp luật. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường."

- Hình thành cơ chế chấm dứt thực hiện giao dịch kinh doanh thương mại

Khi một giao dịch vô hiệu, không có giá trị pháp lý từ thời điểm giao kết. Do vậy, giao dịch không có giá trị bắt buộc đối với các bên tham gia giao dịch. Điều này có nghĩa là các bên không còn ràng buộc bởi quyền và nghĩa vụ với nhau. Nói cách khác, khi giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu quyền và nghĩa vụ của mỗi bên phát sinh từ giao dịch không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nếu mới xác lập chưa thực hiện thì các bên không được thực hiện, còn trong trường hợp đang thực hiện thì về nguyên tắc các bên cũng không được thực hiện nữa. Trong thực tiễn, khi giải quyết giao dịch.

- Ràng buộc trách nhiệm của các bên tham gia quan hệ bằng các hậu quả khác của giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu. Do giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên từ thời điểm giao kết, nên về nguyên tắc, các bên được đưa về tình trạng pháp lý ban đầu trước khi giao dịch được giao kết. Đối với trường hợp giải quyết tài sản trong giao dịch kinh doanh thương mại mà các bên tham gia giao dịch kinh doanh thương mại mới xác lập chưa thực hiện thì các bên chấm dứt thực hiện giao dịch vô hiệu đó.

- Hoàn trả tài sản là một trong những biện pháp phổ biến để giải quyết hậu quả của giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu nhằm khôi phục lại tình trạng

*ban đầu*. Trong giao dịch kinh doanh thương mại, quay lại tình trạng ban đầu được hiểu là các bên quay lại thời điểm mà các bên tham gia ký kết. Tuy nhiên, trong thực tế tài sản được hoàn trả không phải lúc nào cũng còn nguyên giá trị của nó tại thời điểm giao kết, thông thường nó bị biến đổi do tác động của các yếu tố tự nhiên và xã hội làm không còn nguyên giá trị ban đầu: Tài sản bị tác động của tự nhiên làm hao mòn hoặc xấu đi so với lúc ban đầu khi giao kết; tài sản có thể bị giảm giá trị hoặc tăng giá trị do tác động của con người; tài sản có thể tăng giá trị hoặc giảm giá trị do tác động của quy luật kinh tế thị trường như: quy luật cung cầu, quy luật giá trị...; khi quản lý tài sản các đương sự có thể khai thác một số lợi ích trong đó và cũng có thể đầu tư công sức, tiền bạc làm tăng giá trị và gìn giữ, bảo quản tài sản.

- *Hậu quả pháp lý của giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu theo thỏa thuận của các chủ thể được Tòa án công nhận*. Trong pháp luật kinh doanh thương mại nguyên tắc tự do cam kết, tự do thỏa thuận là nguyên tắc đặc trưng, xuất phát từ tính độc lập về sở hữu, tính tự chủ và độc lập về tài sản, tự chịu trách nhiệm về tài sản của các chủ thể, tuy nhiên phải bảo đảm nguyên tắc không trái với pháp luật, đạo đức xã hội hoặc trật tự công cộng. Khi đặt vấn đề cụ thể về việc giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu theo sự thỏa thuận của các chủ thể, mọi sự thỏa thuận đều phải dựa trên các nguyên tắc sau đây: các chủ thể này phải có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi kinh doanh thương mại, nếu trong trường hợp bị hạn chế năng lực hành vi kinh doanh thương mại hoặc không có năng lực hành vi kinh doanh thương mại thì phải có người đại diện hoặc người giám hộ; các chủ thể tham gia giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu có quyền tự quyết định việc tự thỏa thuận với nhau về giải quyết hậu quả mà không bị ép buộc bởi bất kỳ yếu tố nào; đối với giao dịch vô hiệu có mục đích và nội dung trái pháp luật, về nguyên tắc các bên không được thỏa thuận xác lập giao dịch mới có nội dung và hình thức như giao dịch đã bị vô hiệu, mà chỉ có thể thỏa thuận với nhau về việc giải quyết hậu quả giao dịch vô hiệu.

- *Trình tự của việc thỏa thuận phải theo quy định của pháp luật hoặc được pháp luật thừa nhận*. Thực tiễn giải quyết tại Tòa án, sự thỏa thuận của đương sự có ý nghĩa rất lớn trong việc giải quyết dứt điểm vụ án, có tác dụng không những giảm tải công việc cho TAND các cấp, mà cũng giảm bớt các khiếu kiện bức bức xúc kéo dài.

- *Hậu quả pháp lý của giao dịch vô hiệu khi có người thứ ba ngay tình cần được bảo vệ*. Khi giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch vô hiệu mà có người thứ ba ngay tình liên quan đến giao dịch cần được bảo vệ cần phải xem xét một số yếu tố. Đó là, xem xét tính có hiệu lực của giao dịch kinh doanh thương mại do người thứ ba xác lập; đánh giá khả năng nhận thức hành vi, tính có lỗi hay không có lỗi của các bên tham gia giao dịch và người thứ ba phải có nghĩa vụ chứng minh khi tham gia giao dịch họ hoàn toàn ngay tình; xem xét và đánh giá tài sản hiện có. Việc đánh giá này căn cứ vào đặc điểm, tính chất của loại tài sản đó và so sánh với tài sản trước đó, căn cứ vào các quy định của pháp luật điều chỉnh đối với loại giao dịch này và đồng thời các quy định khác của pháp luật liên quan tới tài sản đang tranh chấp.

- *Hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu trong trường hợp tài sản đã được chuyển giao cho người thứ ba ngay tình.* Hợp đồng vô hiệu ngoài liên quan tới các bên tham gia trong hợp đồng, trong một số trường hợp, hợp đồng dân sự còn liên quan tới người thứ ba ngay tình, hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu đã quy định: 1) Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập; 2) Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền, trừ trường hợp tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu theo quy định của pháp luật. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường.

Trường hợp hợp đồng vô hiệu nhưng tài sản giao dịch đã được chuyển giao cho người thứ ba ngay tình. Tính đặc biệt của hợp đồng vô hiệu trong trường hợp này thể hiện ở chỗ tài sản giao dịch đã không còn chiếm giữ bởi một trong các bên tham gia giao kết hợp đồng mà là một bên thứ ba ngay tình, do đó việc xử lý tài sản khi hợp đồng bị tuyên bố vô hiệu gặp phải một số khó khăn nhất định. Trong trường hợp này pháp luật về dân sự đã đưa ra những cách giải quyết khác nhau căn cứ vào tài sản là động sản hay bất động sản, có đăng ký quyền sở hữu hay không và căn cứ vào hợp đồng người thứ ba là hợp đồng đền bù hay không đền bù.

### **2.1.2. Những hạn chế về pháp luật xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại**

- *Khôi phục lại tình trạng ban đầu.* Trong thực tiễn áp dụng pháp luật thì "khôi phục lại tình trạng ban đầu" thường được đồng nhất với "hoàn trả cho nhau những gì đã nhận", song đây lại là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau. Tòa án buộc các bên trong hợp đồng vô hiệu phải khôi phục lại tình trạng ban đầu khi tài sản được hoàn trả không đúng với hiện trạng tại thời điểm xác lập hợp đồng: tài sản đã bị hư hỏng, giảm giá trị; tài sản đã được tu sửa, xây dựng, cải tạo làm tăng giá trị. Trong trường hợp thứ nhất, bên đã làm hư hỏng, giảm giá trị tài sản phải sửa chữa, phục hồi, nâng cấp lại tài sản, nhưng đối với trường hợp thứ hai, có cần thiết phải khôi phục tài sản trở về trạng thái ban đầu khi tài sản đó đã được làm tăng giá trị? Thực tiễn xét xử cho thấy, nhiều trường hợp bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã xây dựng nhà ở hoặc công trình kiên cố nên khi hợp đồng bị vô hiệu, Tòa án buộc bên nhận chuyển nhượng phải tháo dỡ công trình trên đất để trả lại hiện trạng đất ban đầu cho bên chuyển nhượng. Mặc dù việc khôi phục lại hiện trạng ban đầu trong trường hợp này là có thể thực hiện được, song sẽ gây lãng phí rất lớn, đặc biệt khi tài sản tăng thêm có giá trị cao. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, Tòa án có thể lựa chọn giải pháp theo hướng buộc một bên nhận lại tài sản đã được làm tăng giá trị và thanh toán thành tiền tương ứng với phần giá trị tài sản tăng thêm cho bên kia.

- *Hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.* Đây là chế tài có mục đích "khôi phục lại tình trạng ban đầu" của tài sản của các bên như trước khi giao kết hợp đồng. Nhưng việc "khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận" chỉ có thể áp dụng khi đối tượng hợp đồng còn nguyên vẹn, chưa có hoặc ít có sự biến đổi đáng kể, như đã nói trên. Trong trường hợp tài sản đã được chuyển giao thực tế không thể hoàn trả được thì pháp luật tính đến khả năng hoàn trả số

tiền tương đương, dù như vậy là vi phạm qui định về việc không công nhận quyền và nghĩa vụ của các bên khi Tòa án đã tuyên hợp đồng kinh doanh thương mại bị vô hiệu. Đồng thời sẽ có thêm các hệ lụy sau:

Thực tiễn xét xử tại Tòa án cũng cho thấy, việc hoàn trả cho nhau những gì đã nhận chưa thực sự đảm bảo được lợi ích của các chủ thể. Điển hình như đối với những giao dịch có đối tượng là nhà ở hay quyền sử dụng đất. Trong các vụ án yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu, nguyên đơn hầu hết là bên chuyển nhượng. Đối với bên chuyển nhượng, việc lấy lại đất là thoả đáng. Nhưng với bên được chuyển nhượng, việc phải trả lại đất cho bên bán là một tổn thất rất lớn đối với họ. Cho dù được nhận lại đủ số tiền đã bỏ ra trước đây, họ không bao giờ còn có thể mua được thửa đất như vậy nữa, vì vị trí lô đất đã khác, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị đồng tiền cũng đã khác. Tuy trong trường hợp bên chuyển nhượng có lỗi khi xác lập hợp đồng này, bên nhận chuyển nhượng được bồi thường thiệt hại, nhưng khoản bồi thường cũng không bao giờ bù đắp được mất mát thực tế của họ do hợp đồng chuyển nhượng bị tuyên vô hiệu. Đây cũng là một nguyên nhân làm phát sinh nhiều khiếu kiện.

- Khoản tiền phải hoàn trả do không hoàn trả được tài sản bằng hiện vật cần được xác định như thế nào? Đây cũng là một vấn đề không đơn giản. Ví dụ, trong hợp đồng cho thuê máy móc, thiết bị giải trí bị tuyên bố vô hiệu, Tòa án ra phán quyết hoàn trả tài sản mà hiện nay giá trị tài sản đã bị hao mòn (bao gồm cả hao mòn vô hình và hao mòn hữu hình) theo thời gian, thì sẽ không đảm bảo được quyền lợi cho bên cho thuê, nhưng ngược lại, yêu cầu bên thuê phải thanh toán giá trị tài sản tính theo thời điểm xác lập hợp đồng thì rõ ràng, cách giải quyết đó không đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của bên thuê. Bởi hiện tại, thiết bị máy móc giải trí đó đã lạc hậu, bị hao mòn và bên thuê cũng đã phải trả chi phí khấu hao tài sản trong giá thuê thiết bị.

- Bên có lỗi phải bồi thường thiệt hại. Bên có lỗi làm cho hợp đồng vô hiệu mà gây thiệt hại thì phải bồi thường. Vấn đề phức tạp ở đây là xác định lỗi trong thực tế là việc rất khó. Đối với trường hợp hợp đồng vô hiệu do vi phạm quy định về hình thức, còn các điều kiện khác đều hợp pháp, Tòa án tuyên các bên phải hoàn thiện hình thức hợp đồng, nếu bên nào không thực hiện được xem là có lỗi và phải đền bù thiệt hại. Đây là đường lối giải quyết rất rõ ràng trong thực tiễn xét xử. Tuy nhiên đối với các trường hợp khác như hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn, hợp đồng vô hiệu do đối tượng không thực hiện được hay hợp đồng vô hiệu do người giao kết hợp đồng không có quyền định đoạt tài sản mà bên đối tác cũng biết về điều đó thì xác định mức độ lỗi của các bên còn nhiều quan điểm tranh cãi. Như vậy, hợp đồng kinh doanh thương mại vô hiệu sẽ dẫn tới nhiều hậu quả pháp lý bất lợi, do đó ngay khi xác lập hợp đồng các bên cần tuân thủ các điều kiện có hiệu lực của một hợp đồng nhằm hạn chế tới mức thấp nhất những thiệt hại phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng. Đồng thời, khi tuyên bố một hợp đồng vô hiệu, Tòa án phải xác định đầy đủ các hậu quả pháp lý, đặc biệt là yếu tố lỗi của các bên làm cho hợp đồng vô hiệu, từ đó xác định thiệt hại mà mỗi bên phải gánh chịu thì mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.



## **2.2. Thực tiễn thi hành pháp luật về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại**

### **2.2.1. Những kết quả đạt được trong việc giải quyết xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại**

Trong những năm qua, TAND đã giải quyết một số lượng khá lớn về giao dịch kinh doanh thương mại nói chung và giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu nói riêng, góp phần rất lớn trong việc bảo vệ quyền dân sự cho các chủ thể khi bị xâm phạm, mang lại sự công bằng, tạo niềm tin về sự an toàn cho các chủ thể khi tham gia giao dịch kinh doanh thương mại. Tuy nhiên, quá trình áp dụng PLKDTM còn nhiều bất cập có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau như: trên thực tế đời sống dân sự rất phong phú, đa dạng và phức tạp, do đó khi ban hành PLKDTM các nhà làm luật không thể lường hết được mọi tình huống có thể xảy ra, thêm vào đó do trình độ của các thẩm phán áp dụng các quy định của PLKDTM trong các vụ án cụ thể còn nhiều những sai sót, nên có những vụ án qua nhiều lần xét xử vẫn không đúng pháp luật.

Số liệu thống kê việc giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại (loại giao dịch kinh doanh thương mại phổ biến nhất bên cạnh việc lập di chúc) tại theo thống kê của Tòa án nhân dân tối cao cho chúng ta thấy:

+ Năm 2017: chỉ tính số án về tranh chấp hợp đồng được giải quyết ở cấp sơ thẩm đã chiếm khoảng 72,3% trong tổng số án kinh doanh thương mại (chưa kể số án về kinh doanh thương mại); số án về tranh chấp hợp đồng được giải quyết ở phúc thẩm đạt 85%, kết quả y án 40%, số án về giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu chiếm khoảng 17%.

+ Năm 2018: chỉ tính số án về tranh chấp hợp đồng được giải quyết ở cấp sơ thẩm đã chiếm tỷ lệ 71,8% trong tổng số án kinh doanh thương mại; số án về tranh chấp hợp đồng được giải quyết ở phúc thẩm đạt 84%, kết quả y án 39%, số án về xử lý vô hiệu giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu chiếm 16,4%.

+ Năm 2019: chỉ tính số án về tranh chấp hợp đồng được giải quyết ở cấp sơ thẩm đã chiếm tỷ lệ 79,7% trong tổng số án kinh doanh thương mại; số án về tranh chấp hợp đồng được giải quyết ở phúc thẩm đạt 84%, kết quả y án 40%, số án về xử lý vô hiệu giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu chiếm khoảng 20,1%.

Như vậy, hàng năm số án về xử lý vô hiệu giao dịch kinh doanh thương mại chiếm tỷ lệ khá lớn so với án dân sự, trong đó số án về giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu chiếm khoảng 15 - 20%, số án giải quyết ở cấp sơ thẩm bị cấp phúc thẩm cải sửa khoảng hơn 60%. Việc giải quyết các án về giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu còn nhiều sai sót.

Tuy nhiên, do số liệu thống kê của Tòa án nhân dân chưa thực sự đầy đủ, toàn diện nên việc đánh giá thực trạng giải quyết tranh chấp về giao dịch kinh doanh thương mại và giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu gặp nhiều khó khăn. Thực tiễn cho thấy, có những vụ án Tòa án cấp dưới xử đúng nhưng vẫn bị Tòa án cấp trên cải sửa, hủy hoặc có trường hợp Tòa án cấp dưới xử sai nhưng Tòa án cấp trên vẫn xử y án..., dẫn đến có những vụ án được xét xử qua nhiều lần, nhiều cấp mà sức thuyết phục vẫn không cao. Mặt khác, công tác thống kê của chúng ta chưa chỉ rõ lý do của việc cải sửa nên việc phân tích số liệu thống kê khó

có chiều sâu. Đó là chưa kể đến tình trạng cán bộ làm công tác thống kê đôi khi bị nhầm lẫn về số liệu hay nhầm lẫn về loại việc, về thẩm quyền mà không được kiểm tra kịp thời nên việc đánh giá, phân tích thực trạng dựa trên số liệu thống kê như trên cũng chỉ mang tính chất tương đối.

### **2.2.2. Các trường hợp cụ thể được xét xử tại Tòa án các cấp giải quyết xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại**

*Vụ án 1: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng dự án và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất "Nguyên đơn: Ông Võ Văn M – Chủ Doanh nghiệp tư nhân VT (gọi tắt DNTN VT) và Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn V (gọi tắt Công ty V); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Trách nhiệm hữu hạn - Đầu tư xây dựng Đ (gọi tắt Công ty Đ) và Văn phòng công chứng N, tỉnh Hậu Giang và Văn phòng công chứng Bùi Thanh N. Qua vụ việc trên, quan điểm của học viên, xét hợp đồng chuyển nhượng dự án giữa Công ty V và DNTN VT, Công ty V cho rằng, do DNTN VT không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền cho Công ty V, nên Công ty V tiếp tục ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán toàn bộ dự án cho Công ty Đ, do Công ty V đã gửi nhiều thông báo cho DNTN VT nhưng DNTN VT không trả lời. Tuy nhiên, Công ty V không đưa ra được Văn bản hay Quyết định thông báo nào đã gửi cho DNTN VT thể hiện nếu không thanh toán tiền đúng thời hạn thì Công ty V được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Mặt khác, căn cứ vào cả quá trình thực hiện, do Công ty V chậm thực hiện dự án đầu tư Khu dân cư thương mại Cầu Móng, Công ty V đã nhiều lần có công văn gửi đến các cơ quan ban ngành về tình hình thực hiện dự án và có đề nghị UBND tỉnh Hậu Giang chỉ định nhà đầu tư mới là DNTN VT, sau các cuộc họp ban ngành trên tinh thần về nguyên tắc thống nhất với yêu cầu của Công ty V; việc Công ty V ký hợp đồng chuyển nhượng dự án số 01/HĐKT cho DNTNVT (hợp đồng được chứng thực theo quy định ngày 30/11/2016) trước ngày Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang có Công văn thống nhất về chủ trương cho chuyển nhượng dự án và ưu tiên lựa chọn DNTN VT làm chủ đầu tư mới (theo Công văn số 1447/UBND-KT và Công văn 2287/UBND-KT) là không phù hợp theo quy định tại Điều 51 Luật kinh doanh bất động sản; tuy nhiên, xét về cả quá trình thực hiện thì vẫn đảm bảo đúng nguyên tắc theo Điều 48 Luật kinh doanh bất động sản “được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định việc đầu tư đồng ý bằng văn bản”. Mặt khác, việc chuyển nhượng dự án và chỉ định chủ đầu tư mới phù hợp với ý chí của Công ty V và sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng hai bên đã đi đến thực hiện hợp đồng như Công ty V đã tiến hành bàn giao mốc giới ngoài thực địa cho DNTN VT; đồng thời, DNTN VT đã đầu tư xây dựng vào công trình như bơm cát san lấp mặt bằng; khảo sát, dò tìm, xử lý bom mìn; chi tiền bồi thường cho các hộ dân bị ảnh hưởng thông qua Trung tâm phát quỹ đất tỉnh Hậu Giang. Như vậy, Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án giữa Công ty V và DNTN VT đảm bảo đủ điều kiện chuyển nhượng của dự án bất động sản (Điều 49 Luật kinh doanh bất động sản); điều kiện đối với chủ thể chuyển nhượng và chủ thể nhận chuyển nhượng (Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản), được Cơ quan có thẩm quyền chuyển nhượng dự án (Điều 50 Luật kinh doanh bất động sản), nội dung hợp đồng chuyển nhượng dự án phù hợp theo quy định (Điều 53 Luật kinh*

doanh bất động sản), hợp đồng được công chứng và có hiệu lực kể từ ngày công chứng, các bên phải có trách nhiệm thực hiện. Cấp sơ thẩm công nhận hợp đồng chuyên nhượng dự án giữa Công ty V và DNTN VT là có căn cứ.

*Vụ án 2: tranh chấp hợp đồng gia công và yêu cầu tuyên hợp đồng vô hiệu:*  
*Nguyên đơn: Công ty TNHH CK ML; địa chỉ: tỉnh Long An. Bị đơn: Công ty TNHH AS; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Bình Dương. Quan điểm của học viên, Điều 3 của hợp đồng ghi nhận thỏa thuận của hai bên: “Trường hợp không đạt đủ số lượng 72.000.000 cái hoặc bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì bị đơn phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nguyên đơn đã đầu tư vào dây chuyền inpad”. Quá trình thực hiện hợp đồng, số lượng nguyên liệu bị đơn giao cho nguyên đơn gia công chỉ đạt 7.020.658 cái, với số lượng hoàn thành 5.879.487 cái. Do số lượng nguyên liệu bị đơn cung cấp không đảm bảo 72.000.000 cái nên bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn, trong hợp đồng gia công hai bên thỏa thuận về trách nhiệm bồi thường thiệt hại dây chuyền inpad nguyên đơn đầu tư, buộc bị đơn phải chịu nguyên giá tài sản mới 100% là chưa đủ cơ sở. Thực tế, nguyên đơn đã sử dụng máy móc thiết bị để sản xuất hoàn thành 5.879.487 sản phẩm cho bị đơn, trong đó có phần lợi nhuận của nguyên đơn. Bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu giá trị đầu tư máy móc phục vụ gia công, sau khi bị đơn thanh toán xong giá trị máy móc thì bị đơn được nhận lại toàn bộ máy móc đã qua sử dụng là có cơ sở, bản án sơ thẩm chưa khấu hao tài sản cố định là chưa đúng qui định của pháp luật. Căn cứ để xác định khấu hao tài sản là căn cứ vào báo cáo thuế hàng năm của nguyên đơn hoặc Tòa án thu phải thập chứng cứ là báo cáo thuế của nguyên đơn, hoặc xem xét thẩm định tại chỗ, xác định tỷ lệ phần trăm còn lại của dây chuyền. Ngày 01/3/2014, Công ty TNHH CK ML và Công ty TNHH AS ký kết hợp đồng gia công số ML-AH-201403001 với nội dung: Công ty ML nhận gia công in sản phẩm vô tai nghe (earphone) cho Công ty AS, tổng giá trị hợp đồng là 10.080.000.000đ chưa bao gồm thuế VAT. Công ty ML phải đầu tư, lắp đặt mới dây chuyền sản xuất với công nghệ tiên tiến để tiến hành gia công. Đối với Công ty AS có nghĩa vụ bảo đảm số lượng đặt hàng tối thiểu là 72.000.000 cái trong vòng 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, nếu đặt hàng không đủ số lượng cam kết thì phải chịu bồi thường thiệt hại. Để thực hiện hợp đồng gia công, Công ty ML đã đầu tư, ký hợp đồng mua, lắp đặt 04 dây chuyền inpad hoàn chỉnh với tổng chi phí là 828.652.56đ. Tuy nhiên, tại thời điểm kết thúc hợp đồng, tổng số lượng theo các đơn đặt hàng từ Công ty AS chỉ đạt 5.879.487 cái. Như vậy, liên quan đến việc bồi thường thiệt hại, khi giải quyết vụ án phải áp dụng các qui định tại các Điều 302; 303; 304; 306 và 307 của Luật Thương mại. Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường là phải có thiệt hại thực tế. Nghĩa là phải xác định giá trị thực tế của dây chuyền inpad hiện nay. Tuy nhiên, cơ quan NN đã không thực hiện việc thẩm định giá đối với dây chuyền inpad là không đúng với qui định tại khoản 2 Điều 303 của Luật Thương mại. Thiếu sót đã được giải quyết, ra quyết định xem xét thẩm định tại chỗ; quyết định yêu cầu nguyên đơn cung cấp hồ sơ báo cáo tài chính để xác định phần khấu hao máy móc nhưng nguyên đơn có văn bản từ chối hai vấn đề trên.*

Ví dụ 3: Tranh chấp giao dịch chuyển nhượng cổ phần giữa ông H với bà D; yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông H với Công ty TNHH Năng lượng B1 vô hiệu; yêu cầu không công nhận tư cách cổ đông của Công ty TNHH Năng lượng B1 tại Công ty cổ phần điện TL. Theo quan điểm của học viện, nhận định ông H chưa ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần cho bà D chỉ cam kết “hứa” sẽ ký Hợp đồng nên không thể cưỡng chế buộc ông H phải ký Hợp đồng mà cần căn cứ thỏa thuận của hai bên tại Điều 4 của Biên bản thỏa thuận ngày 18/4/2012 (Về bồi thường) để buộc ông H bồi thường cho bà D. Cổ phần của ông H vẫn đang thế chấp tại Ngân hàng, đến nay vẫn chưa được Ngân hàng giải chấp nên Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông H với Công ty TNHH Năng lượng B1 cũng vô hiệu.

### **2.2.3. Những hạn chế về pháp luật xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại**

- Khi giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Trường hợp không thể hoàn trả được bằng hiện vật thì trị giá thành tiền để hoàn trả..... Do quy định này chỉ mang tính nguyên tắc, không quy định cụ thể, nên thực tiễn giải quyết hậu quả của giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu rất phức tạp, còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau.

- Xử lý tài sản đối với trường hợp giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu do vi phạm điều cấm pháp luật. Giao dịch kinh doanh thương mại có nội dung vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội, thì vô hiệu; tài sản giao dịch và hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu, sung quỹ Nhà nước. Đối với giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu do vi phạm điều cấm không phải tất cả các trường hợp Tòa án tịch thu tài sản giao dịch và hoa lợi, lợi tức, có trường hợp Tòa án chỉ tịch thu hoa lợi, lợi tức. Thậm chí có trường hợp lại buộc mỗi bên tự chịu phần thiệt hại của mình (trả nguyên cho nhau những gì đã nhận) dẫn tới một bên bị thiệt hại và có bên được hưởng lợi, không mang lại sự công bằng cho đương sự hoặc có trường hợp còn công nhận hợp đồng. Tuy nhiên, hiện nay, Bộ luật dân sự năm 2005 đã được thay thế bởi Bộ luật dân sự năm 2015, do đó, Tòa án nhân dân tối cao cũng nên có văn bản hướng dẫn mới thay thế các văn bản hướng dẫn trước đây để việc áp dụng quy định pháp luật được thực hiện thống nhất trong toàn quốc. Qua khảo sát và nghiên cứu thực tiễn các tranh chấp giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu tại TAND, có thể thấy rằng tình hình xử lý các giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu diễn biến rất phức tạp, thường diễn ra một số tình huống như sau:

+ Khi tuyên bố giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu các bên chưa giao tài sản và giao tiền cho nhau;

+ Khi tuyên bố giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu bên mua đã giao tiền đủ và bên bán vẫn chưa giao tài sản mua bán;

+ Khi tuyên bố giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu bên mua chưa giao tiền và bên bán đã giao tài sản;

+ Khi tuyên bố giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu bên mua đã giao một phần tiền và bên bán chưa giao tài sản;

+ Khi tuyên bố giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu bên mua đã giao một phần tiền và bên bán đã giao tài sản hoặc một phần tài sản;

+ Khi tuyên bố giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu có thể tài sản vẫn chất lượng và số lượng như cũ nhưng cũng có thể đã biến đổi;

+ Tại thời điểm giải quyết vụ án, giá trị của đối tượng của giao dịch đa phần cao hơn hoặc nhưng cũng có trường hợp thấp hơn so với thời điểm khi hai bên xác lập giao dịch;

+ Nguyên nhân dẫn tới giao dịch vô hiệu có thể do lỗi của cả bên mua và bên bán, cũng có thể chỉ do lỗi của bên bán hoặc chỉ do lỗi của bên mua.

- *Những bất cập trong quá trình xử lý giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức*

+ GDDS vô hiệu do không tuân thủ về hình thức quy định tại các BLDS năm 1995, BLDS năm 2005 và BLDS năm 2015 khác nhau về thời hiệu khởi kiện, hậu quả pháp lý, .... Một GDDS nếu căn cứ theo BLDS năm 1995 thì là GDDS đó đương nhiên vô hiệu do không tuân thủ về hình thức, nhưng nếu căn cứ vào BLDS năm 2005 hay BLDS năm 2015 thì giao dịch đó không đương nhiên vô hiệu. Và dù GDDS có vi phạm điều kiện về hình thức mà các bên không khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố GDDS vô hiệu về hình thức thì Tòa án cũng không có quyền xem xét. Vì thế, khi xét xử, Tòa án phải căn cứ từng vụ việc cụ thể mà có căn cứ áp dụng phù hợp, và có hay không xem xét đến GDDS vô hiệu để có cách xử lý hậu quả pháp lý phù hợp, ... điều này gây rất nhiều khó khăn, phức tạp cho công tác xét xử đặc biệt các vụ án liên quan đến nhà đất.

+ Do các quy định pháp luật nằm tản mạn ở nhiều văn bản luật khác nhau nên người dân khó mà tiếp cận, nắm bắt được với những GDDS nào là cần phải tuân thủ hình thức và thời hiệu khởi kiện đối với từng giao dịch. Vì các quy định không nằm tập trung ở một văn bản pháp luật nào cụ thể mà nằm rải rác ở nhiều văn bản pháp luật liên quan, mà chính người làm công tác xét xử khi tìm hiểu còn gặp nhiều khó khăn huống gì là những người dân bình thường. Điều này gây khó khăn cho người giao kết, thực hiện GDDS. Ví dụ hình thức của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo BLDS năm 2015 quy định là căn cứ Luật đất đai năm 2013, vậy người nào muốn thực hiện GDDS liên quan đến đất đai phải tìm hiểu luật đất đai năm 2013 để biết quy định về hình thức và thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất để bảo vệ quyền lợi cho mình. Mà việc chuyển nhượng nhà đất đâu phải muốn để tìm hiểu là tìm hiểu đâu, có lúc phải nhanh gọn, đảm bảo tính linh hoạt giao dịch trong thời buổi nền kinh tế thị trường nên người dân khó mà tìm hiểu luật để bảo vệ cho mình khi quá rắc rối, phức tạp. Rồi từ ý thức pháp luật đến nhận thức pháp luật của mỗi người cũng không giống nhau, chưa kể là hiểu sai văn bản pháp luật, ...

+ Bên cạnh đó có những người lợi dụng sơ hở của luật, lợi dụng sự thiếu hiểu biết, sự thiếu thông tin hay việc tiếp cận thông tin không minh bạch của một số người khi tham gia GDDS mà cố tình giao kết những GDDS không tuân thủ quy định về hình thức để trốn tránh sự kiểm soát của cơ quan nhà nước, nhằm trục lợi (như hợp đồng mua bán đất không chứng thực, trốn sự kiểm soát của Nhà

nước nhằm trốn thuế) ... nên những tranh chấp đáng tiếc xảy ra ngày càng phổ biến và có chiều hướng gia tăng, tinh vi hơn.

+ Bất cập trong việc xác định như thế nào là “một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch” được quy định trong Điều 129 BLDS năm 2015. Vì hiện nay, chưa có văn bản nào hướng dẫn cụ thể để xác định việc một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch là như thế nào. Điều này, dẫn đến sự áp dụng tùy tiện, tùy theo cách nghĩ, quan điểm của người xét xử mà đưa đến các hậu quả pháp lý khác nhau, dẫn đến sự không thống nhất, không xác thực trong công tác xét xử loại án này. Một suy nghĩ ngược lại thì cho rằng: Quy định như thế này là thể hiện luật pháp không nghiêm. Bởi, vô hình chung người làm BLDS năm 2015 đã mâu thuẫn với chính mình vì cũng chính BLDS năm 2015 quy định một số GDDS cần phải tuân thủ quy định về hình thức thì mới đảm bảo quyền lợi cho các bên và cũng chính là đảm bảo quyền lợi cho Nhà nước. Nhưng nếu quy định như Điều 129 BLDS năm 2015, thì là việc hợp thức hóa cho những GDDS cố tình không tuân thủ quy định pháp luật. Nếu một hoặc các bên không yêu cầu Tòa án tuyên bố GDDS đó vô hiệu thì có phải Điều 129 BLDS năm 2015 hợp thức hóa cho các giao dịch này? Và nếu sau 02 năm kể từ ngày GDDS không tuân thủ về hình thức được xác lập mà một hoặc các bên không yêu cầu Tòa án tuyên bố là GDDS vô hiệu thì giao dịch đó là có hiệu lực. Với quy định như hiện nay, đối với giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất vốn rất phổ biến và phức tạp trở nên khó kiểm soát hơn; quyền lợi của người tham gia giao dịch khó đảm bảo mà quyền lợi của Nhà nước có nhiều thiệt thòi hơn. Ví dụ bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng ký hợp đồng chuyển nhượng không qua công chứng, chứng thực và các bên giao đủ tiền, giao đất cho nhau thì hết 02 năm kể từ ngày xác lập giao dịch, các bên không có tranh chấp gì thì hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất này có hiệu lực pháp luật. Hay dù chưa hết hai năm mà nói nôn na là một hoặc các bên đã thực hiện 2/3 nghĩa vụ giao dịch thì hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất đó cũng có hiệu lực pháp luật và các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực. Như vậy, có phải là Nhà nước mất đi một khoản thu lớn hay không? Mà các bên chuyển nhượng cũng chẳng phải tuân thủ bất cứ quy định nào của pháp luật mà lại được pháp luật bảo vệ.

## **Kết luận Chương 2**

Chương 2 của luận văn, nghiên cứu, phân tích đánh giá thực trạng hệ thống pháp luật hiện hành xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, từ đó làm rõ những mặt được, mặt còn hạn chế, bất hợp lý, bất cập trong pháp luật cũng như thực tiễn hoạt động xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại. Nghiên cứu quy định pháp luật và thực tiễn xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại cho thấy, nhìn chung BLDS năm 1995, năm 2005 và năm 2015, Luật Thương mại 2005 và các quy định liên quan đã kế thừa qua các thời kỳ đồng thời tiếp thu thông lệ pháp luật về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

Tuy nhiên, trong các quy định cụ thể vẫn còn có những nội dung chưa thật sự hợp lý, chưa phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và diễn biến thực tiễn của cuộc sống. Lý do có thể là khi ban hành BLDS, Luật Thương mại, các nhà làm luật không dự liệu hết những tình huống xảy ra trong thực tiễn vô cùng phong phú và đa dạng. Chính vì thế, việc tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện các quy định có liên quan và nâng cao hiệu quả thực thi trong thời gian tới vẫn là công việc cần thiết.

### **Chương 3**

## **ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG VỀ XỬ LÝ HẬU QUẢ CỦA HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH THƯƠNG MẠI**

### **3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại**

#### **3.1.1. Định hướng chung**

- Việc sửa đổi và bổ sung các quy định hoàn thiện pháp luật về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại gắn liền tăng cường quốc tế hóa pháp luật: Quốc tế hóa hay tăng cường sự ảnh hưởng của yếu tố nước ngoài đến sự phát triển của hệ thống pháp luật quốc gia là xu thế phát triển cơ bản của pháp luật nói chung. Quốc tế hóa đối với giao dịch dân sự, xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại thể hiện ở hai khía cạnh:

*Một là, sự tương thích không những trong nội dung, hệ thống các nguồn luật và khái niệm pháp lý.*

*Hai là, sự tiếp thu có chọn lọc các quy định, các khái niệm pháp lý của nước khác.*

- Cần thiết phải có quy định cụ thể hợp một số vấn đề về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại trong BLDS, LTM để tránh phải ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thi hành, nhưng vẫn đảm bảo tính bao quát và linh hoạt của pháp luật: Có hai xu hướng phổ biến hiện đang được áp dụng trong việc xây dựng pháp luật:

- *Một là, đơn giản hóa các quy định với kết cấu đơn giản nhưng mạch lạc, dễ hiểu, đồng thời giảm bớt số lượng và sự phức tạp các điều luật mang tính chất chung. Cách quy định này sẽ làm điều luật mang tính bao quát chung, tạo được sự chủ động, linh hoạt cho người thực hiện pháp luật.*

- *Hai là, quy định thêm nhiều điều khoản chi tiết, rõ ràng, sẽ làm pháp luật phong phú, cụ thể hơn. Cách điều chỉnh này giúp cơ quan thực hiện pháp luật có thể dễ dàng vận dụng các quy định của pháp luật vào thực tế, tránh nhiều cách hiểu và vận dụng quá rộng như cách điều chỉnh thứ nhất. Nhưng cách này sẽ có hạn chế là điều luật không linh hoạt, đồng thời không mang tính bao quát, khó có thể điều chỉnh được những quan hệ mới, những vấn đề mới phát sinh trong thực tế. Pháp luật về hợp đồng của nhiều nước đặc biệt là các nước theo hệ thống án lệ, hệ thống*

luật văn bản được coi các quy định của luật là phần “cứng” và tương đối ổn định. Còn lại sử dụng án lệ coi đó là phần “mềm”, làm nhiệm vụ bổ sung. Do đó, pháp luật của các nước này có được sự uyển chuyển, linh hoạt và dễ dàng thích nghi với các điều kiện thực tiễn và cũng rất dễ dàng thay đổi để phù hợp với thực tiễn.

### **3.1.2. Kiến nghị cụ thể**

- Kiến nghị hoàn thiện quy định cần có sự phân biệt trường hợp các bên giao kết hợp đồng đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, nhưng trong quá trình thực hiện, có sự thay đổi về chính sách của nhà nước, mà một phần hoặc toàn bộ nội dung của hợp đồng đó trở thành vi phạm điều cấm của pháp luật với các trường hợp hợp đồng vô hiệu do có mục đích và nội dung của hợp đồng vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội khác. Đồng thời, có hướng dẫn đường lối xử lý đối với trường hợp này ở văn bản dưới luật để đảm bảo quyền lợi của các bên giao kết hợp đồng.

- Kiến nghị bổ sung quy định trong trường hợp giao dịch kinh doanh thương mại chưa kịp thực hiện, hoặc đang được thực hiện, mà người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự khôi phục lại năng lực hành vi dân sự thì quyền yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu thuộc về người chính người đó.

- Kiến nghị bổ sung quy định cần căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể khi xác lập giao dịch kinh doanh thương mại để xác định nhằm lẫn là yếu tố dẫn đến hợp đồng dân sự vô hiệu. Đồng thời, cần có văn bản hướng dẫn về giải pháp xử lý trong việc thực hiện xét xử, theo phương pháp loại trừ những trường hợp sau không thể không coi là có yếu tố nhằm lẫn dẫn đến sự vô hiệu của hợp đồng theo quy định: Bên đã đưa ra hợp đồng mẫu để giao kết hợp đồng dân sự; bên đã soạn thảo và ký trước vào hợp đồng dân sự...

- Kiến nghị bổ sung thêm các quy định: “Việc hoàn trả căn cứ vào các quy định của pháp luật về quyền sở hữu và được lợi không có căn cứ pháp luật”; “Việc bồi thường thiệt hại căn cứ vào các quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”. Có văn bản dưới luật hướng dẫn chi tiết hơn đối với quy định về hoàn trả và bồi thường thiệt hại đối với các hợp đồng đặc thù như: hợp đồng dịch vụ, hợp đồng vận chuyển, hợp đồng xây dựng... bị vô hiệu.

- Cần phải điều chỉnh lại Điều 129 BLDS năm 2015 cho phù hợp, hoặc cần phải hướng dẫn cụ thể như thế nào là việc “một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch” nên quy định theo hướng bảo vệ người thứ ba ngay tình trong giao dịch dân sự vô hiệu do không tuân thủ về hình thức hơn nữa, nhưng theo hướng khái quát chung để tùy thuộc vào tình huống mà Thẩm phán có cách giải quyết hợp lý, không nên quy định quá cụ thể gây khó khăn trong công tác xét xử.

### **3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại**

*Thứ nhất*, tăng cường chất lượng giải quyết tranh chấp giao dịch kinh doanh thương mại, hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại vô hiệu và xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu của hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại vô



hiệu. hợp tình mà còn phải nhanh chóng để bảo vệ kịp thời quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

*Thứ hai*, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức về giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu (nhất là về hợp đồng vô hiệu) và xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu của giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu. Hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại ngày càng chiếm vai trò quan trọng trong đời sống hàng ngày của người dân. Nó càng có vai trò đặc biệt hơn khi nền kinh tế nước ta phát triển theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nếu người dân được nâng cao hiểu biết và kiến thức pháp luật về hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại nói chung, hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại vô hiệu và xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu của nó nói riêng sẽ giúp các giao dịch hợp đồng ngày càng phát triển, các bên hiểu biết rõ hơn để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình, xác định rõ nghĩa vụ đối với xã hội, cộng đồng và với các bên có liên quan. Do đó, một trong giải pháp để đạt được mục đích trên đó là thông qua công tác tuyên truyền và phổ biến pháp luật.

*Thứ ba*, cần đẩy mạnh việc công khai hóa các bản án của tòa án nói chung trong đó có các bản án về giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu để làm tài liệu nghiên cứu, đánh giá, rút kinh nghiệm chung trong thực tiễn xét xử. Cho tới nay, việc công khai các bản án về giải quyết xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu của giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu của tòa án nhân dân các cấp đang còn hết sức hạn chế. Điều này làm cho việc lan tỏa kinh nghiệm hay trong thực tiễn giải quyết xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu của giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu chưa hiệu quả. Đây là điều cần được khắc phục sớm trong thời gian trước mắt bởi lẽ công việc công khai hóa các bản án trong điều kiện ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin của thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay là hoàn toàn khả thi.

Pháp luật về giao dịch kinh doanh thương mại nói chung, giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu và xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu của giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu nói riêng có vai trò quan trọng trong giao lưu dân sự, góp phần ổn định và phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia quan hệ này. Trên cơ sở nghiên cứu, pháp luật Việt Nam, Luận văn đã làm sáng tỏ những vấn đề lý luận chung về xử lý giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu:

- Bản chất của giao dịch vô hiệu thể hiện ở chỗ nó chứa đựng những khiếm khuyết làm hợp đồng rơi vào một trong những tình trạng: Trái hoặc xâm hại trật tự pháp lý, lợi ích công cộng của xã hội được pháp luật bảo vệ; nội dung của giao dịch kinh doanh thương mại mâu thuẫn với ý chí thực sự của một hoặc cả hai chủ thể tham gia giao dịch; hình thức hợp đồng không phù hợp với quy định của pháp luật.

- Hợp đồng vô hiệu là hợp đồng không có giá trị pháp lý, do đó phát sinh hậu quả: Không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên từ thời điểm xác lập. Khi hợp đồng vô hiệu, các bên phải khôi phục tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Việc hoàn trả được xem xét trên các căn cứ: Chế định quyền sở hữu; Được lợi về tài sản không căn cứ pháp luật; Thực hiện công việc

không có sự uỷ quyền; Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Các chế tài có thể áp dụng khi hợp đồng vô hiệu: Hoa lợi, lợi tức có thể bị tịch thu trong trường hợp pháp luật có quy định.

### **Kết luận Chương 3**

Luận văn đã phân tích làm sáng tỏ những quy định mới về hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại vô hiệu và xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu của giao dịch kinh doanh thương mại vô hiệu theo pháp luật. Nghiên cứu mối quan hệ của quy định về hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại vô hiệu và xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu của nó với các quy định khác trong tổng thể nội dung của BLDS. Đồng thời, chỉ ra những điểm phù hợp và chưa phù hợp của các quy định này trong điều kiện kinh tế, xã hội hiện nay. Bên cạnh đó, đề xuất một số kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung một số quy định của BLDS 2015, LTM 2005, phương hướng cho việc áp dụng những quy định về hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại vô hiệu và xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu của nó, để những quy định này thực sự đi vào đời sống. Trong bối cảnh BLDS 2015, LTM 2005 mới ban hành, quan điểm và quy định của pháp luật Việt Nam về hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại vô hiệu có những sự thay đổi. Đồng thời, thực tế đời sống dân sự đa dạng đặt ra những yêu cầu mới đối với các quy định pháp luật trong lĩnh vực này.

## KẾT LUẬN

Giao kết hợp đồng, phần lớn trường hợp là các bên mong muốn thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng để đạt được lợi ích như cao nhất. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng cũng có thể xảy ra trường hợp một hoặc các bên vi phạm hợp đồng. Thậm chí, không ít trường hợp một bên cố tình vi phạm hợp đồng nhằm đạt được các mục đích của riêng họ, hoặc hợp đồng vô hiệu toàn bộ, từng phần.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia quan hệ mua bán hàng hóa, pháp luật về hợp đồng luôn đóng vai trò quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Bởi vì ngoài việc bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ cho các bên hợp đồng, các quy định về chế độ trách nhiệm bồi hoàn (hoàn trả) do hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu hoặc bị tuyên vô hiệu, còn là công cụ pháp lý hữu hiệu để nhà nước điều chỉnh và củng cố kỷ luật hợp đồng, răn đe đối tượng mưu cầu trục lợi bằng việc vi cố ý phạm hợp đồng, hoặc làm phương tiện bỏ ích để các thương nhân lưu ý khi giao kết hợp đồng, tránh tối đa việc ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu.